



Vinh, ngày 11 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần 482 (Joint - Stock Company No 482)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324346
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 155 Trường Chinh - TP Vinh - Nghệ An.
- Số điện thoại: 038.3853200
- Số fax: 038.3854701
- Website: <http://www.Congty482.com.vn>
- Mã cổ phiếu: B82

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 19/02/1983
- Thời điểm niêm yết: Ngày 07/03/2008
- Các mốc sự kiện quan trọng:
 - Công ty cổ phần 482 tiền thân vốn là Xí nghiệp Đường sắt 769 có nhiệm vụ đảm bảo giao thông (đường sắt và đường bộ) vùng khu bốn cũ từ Nghệ An đến Quảng Bình trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra Miền Bắc. Đến năm 1982, Công ty đổi tên thành Xí nghiệp Đường sắt 482 trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp Giao thông 4.
 - Năm 1992, Xí nghiệp Đường sắt 482 chuyển đổi thành Công ty Công trình giao thông 482 – Tổng công ty xây dựng Công trình giao thông miền Trung (Nay là Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4).
 - Ngày 29/4/2004, Bộ giao thông vận tải ra quyết định số 1226/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty công trình giao thông 482 thành Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4. Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16/12/2004 với số vốn điều lệ là 8 tỷ đồng, trong đó, Nhà nước nắm giữ 51%, cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài nắm 49%.
 - Ngày 06/4/2007, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 của Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 quyết định phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng.
 - Ngày 08/12/2007, Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần 482 cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh mới của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/12/2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/12/2007. Đại hội đồng cổ đông cũng quyết định niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 07/03/2008, Công ty cổ phần 482 được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
- Ngày 17/03/2008, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là B82.
- Ngày 23/02/2010, Công ty cổ phần 482 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 517/UBCK – GCN, chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.
- Ngày 13/08/2010, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 26/08/2010, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) niêm yết bổ sung trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 3.000.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:*

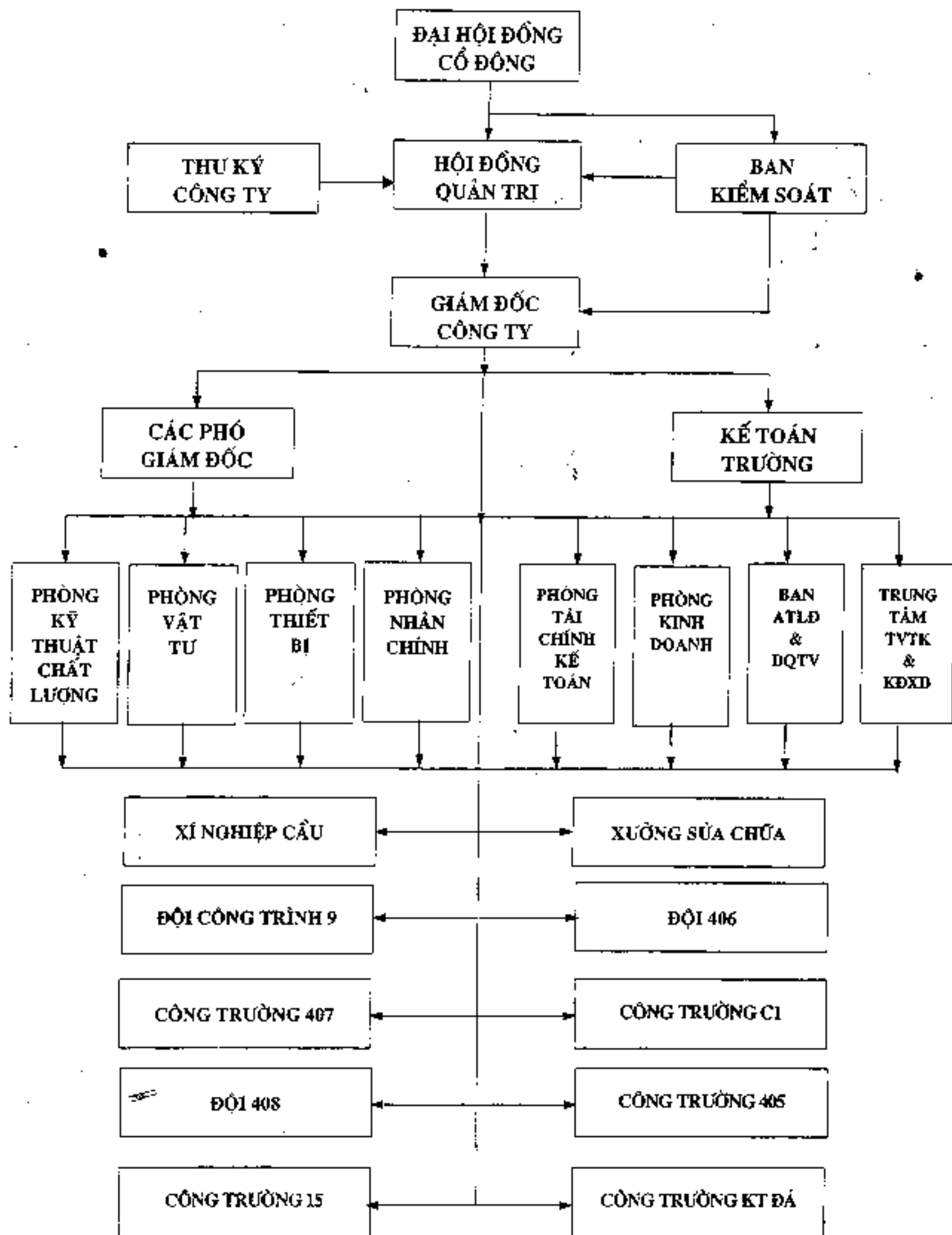
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Vận tải hành khách đường bộ khác;
- + Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- + Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại: thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng kim loại hiếm;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không;
- + Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- + Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trong nước)

- Địa bàn kinh doanh: Với đặc thù là đơn vị thi công các công trình giao thông nên Công ty CP 482 có địa bàn kinh doanh rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu:

+ Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- + Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.
- + Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính, chung cư.
- + Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.
- + Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.
- + Bảo đảm đời sống vật chất ổn định, đời sống văn hoá tinh thần phong phú.
- Chiến lược phát triển của B82:
 - + Xây dựng Công ty Cổ phần 482 thành công ty phát triển kinh doanh đa ngành đa nghề, đa sản phẩm ổn định, vững chắc, đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Lấy ngành nghề xây lắp làm chủ đạo. Không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập cho CBCNV,... đưa Công ty Cổ phần 482 phát triển toàn diện, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài khẳng định thương hiệu mã chứng khoán B82.
 - + Duy trì mức tăng trưởng hàng năm đạt 10% -:- 15%.
 - + Khai thác tiềm năng của thị trường chứng khoán. Huy động vốn cho SXKD phù hợp với từng thời điểm bằng việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.
 - + Khai thác tối đa vị trí địa lý khu đất cơ quan.
 - + Hàng năm tùy vào điều kiện cụ thể HDQT đề ra các sách lược và kế hoạch phù hợp đảm bảo sự phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.
- Do xây dựng các công trình có thời gian dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Giá trị sản lượng	Triệu đồng	844.586
2	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	723.766
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	8.799
4	Lợi nhuận thực hiện (sau thuế)	Triệu đồng	6.439
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn CSH	%	13,72
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn Điều lệ	%	21,46
7	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	10.183
8	Nguyên giá tài sản cố định	Triệu đồng	124.018
9	Đầu tư tài sản	Triệu đồng	24.936
10	Thu khấu hao TSCĐ trong năm	Triệu đồng	9.545

11	Khấu hao TSCĐ lũy kế	Triệu đồng	73.794
12	Giá trị tài sản cố định còn lại	Triệu đồng	50.223
13	Nợ Ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn) và các đối tượng khác	Triệu đồng	73.947
14	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,12
15	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ng/tháng	8,149
16	Trả cổ tức năm 2013	%	14,0

*** So sánh, nhận xét:**

- Sản lượng đạt 844 tỷ/550 tỷ Kế hoạch ĐHCĐ; đạt 153% KH; tăng 98% so với năm 2012;
- Doanh thu đạt 726 tỷ/500 tỷ Kế hoạch ĐHCĐ; đạt 145% KH; tăng 109% so với năm 2012;
- Lợi nhuận trước thuế 8,799 tỷ/8 tỷ Kế hoạch ĐHCĐ; đạt 110% KH; Tăng 40%.
- Nộp ngân sách 10,183 tỷ; Tăng 112% so với năm 2012;
- Thu nhập bình quân người lao động 8,149 triệu/6 triệu Kế hoạch ĐHCĐ; đạt 108,6% Kế hoạch; tăng 30% so với năm 2012;
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn 1,12 lần, đạt KH >1;

2. Tổ chức và nhân sự hiện nay:

- Danh sách Ban lãnh đạo:

* Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 665.708 cổ phần, chiếm 22,19% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 610.800 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 54.908 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.382 cổ phần, chiếm 0,51% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.382 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần

* Ông: **Lâm Hoàng Linh** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.229 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

- Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.229 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.100 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.100 cổ phần

* Ông: **Phan Sỹ Hùng** - Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ: 15.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 05/03/2013, ông Lê Hòa Nguyễn thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT. HĐQT đã bầu ông Nguyễn Trọng Cẩm giữ chức Chủ tịch HĐQT, thôi nhiệm vụ phó giám đốc và bổ nhiệm ông Lê Hòa Nguyễn giữ chức vụ UV HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty.

Ngày 25/04/2013, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã nhất trí để ông Nguyễn Tuấn Huỳnh thôi giữ chức UV HĐQT. đồng thời bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT đủ theo cơ cấu HĐQT được quy định tại Điều lệ công ty là: ông Đặng Văn Khoa.

Hiện nay HĐQT có 5 Thành viên, gồm: Nguyễn Trọng Cẩm, Lê Hòa Nguyễn, Cao Hoài Thanh, Lê Văn Thảo, Đặng Văn Khoa.

Ban giám đốc gồm 04 thành viên gồm: Ông Lê Hòa Nguyễn – Giám đốc Công ty; 03 phó giám đốc gồm: Ông Cao Hoài Thanh, Ông Lâm Hoàng Linh, Ông Đặng Văn Khoa.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 589 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, năm 2013 Công ty CP 482 tiếp tục tạm thời dừng thực hiện các dự án đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012 (Triệu đồng)	Năm 2013 (Triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	331.288	417.578	1,26%
Doanh thu thuần	345.194	723.766	209,67%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.894	7.512	127,5%
Lợi nhuận khác	397,4	1.287	323,9%
Lợi nhuận trước thuế	6.291	8.799	139,9%
Lợi nhuận sau thuế	5.004	6.439	128,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	14%	2%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,04	0,99
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,39	0,35
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số: Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,86	0,89

+ Hệ số: Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	6,31	7,89
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,69	2,92
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,04	1,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,09	0,89
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,1	13,72
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,5	1,54
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,7	1,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là: 3.000.000 CP phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt tại ngày 10/03/2014 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN:

Danh mục	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn Điều lệ	3.000.000	30.000.000.000	100%
1. Cổ đông Nhà nước	1.527.000	15.270.000.000	50,9%
2. Cổ đông đặc biệt	178.083	1.780.830.000	5,94%
- HĐQT và Ban Giám đốc	146.320	1.463.200.000	4,88%
- Ban kiểm soát	31.763	317.630.000	1,06%
3. Cổ đông nước ngoài	17.140	171.400.000	0,57%
- Cá nhân	12.840	128.400.000	0,43%
- Tổ chức	4.300	43.000.000	0,14%
4. Cổ đông khác	1.277.777	12.777.770.000	42,59%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ thực hiện KH	Tỷ lệ so với 2012
Giá trị sản lượng	425,410 tỷ	≥ 550 tỷ	844,586 tỷ	153,56%	198,53%

Doanh thu	345,194 tỷ	≥ 500 tỷ	723,766	144,75%	209,67%
Thực thu bằng tiền + tạm ứng	374,553 tỷ	≥ 450 tỷ	829,572	221,48%	184,35%
Lợi nhuận trước thuế	6,261 tỷ	≥ 8 tỷ	> 8,799 tỷ	110,00%	140,53%
Nộp ngân sách	4,80 tỷ	đầy đủ	10,183 tỷ	đầy đủ	212,15%
Đầu tư TS mua sắm thiết bị	4,84 tỷ	≥26,000 tỷ	24,936 tỷ	96,%	515,20%
Thu khấu hao TSCĐ	8,49 tỷ	10-:12 tỷ	9,545 tỷ	95,45%	112,42%
Thu nhập người lao động	6.250.000đ	7.500.000đ	8.149.000đ	108,65%	130,38%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Với cố gắng phấn đấu của CBCNV trên tất cả mọi mặt năm 2013 Công ty đã nhận được các danh hiệu:

+ Được tặng thưởng huân chương lao động hạng nhất, cờ thi đua của Chính phủ và 02 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 2 cá nhân;

+ Đánh giá là một trong 500 thương hiệu phát triển nhanh và bền vững “FAST 500”; Được Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam bầu chọn là 100 thương hiệu Việt bền vững;

+ Đảng bộ công ty đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2013, công đoàn trong sạch vững mạnh, đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Bộ GTVT tặng bằng khen năm 2013.

2. **Tình hình tài chính**

a/ Tình hình tăng giảm tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định trong năm	: 124,018 tỷ
- Đã khấu hao	: 73,794 tỷ
- Giá trị còn lại	: 50,223 tỷ
- Tài sản cố định đầu tư trong kỳ	: 24,936 tỷ

b/ Tình hình công nợ:

- Công nợ phải thu	: 95,209 tỷ
- Hàng tồn kho (Dờ dang + NVL tồn kho)	: 234,708 tỷ
- Công nợ phải trả	: 370,853 tỷ
<u>Trong đó:</u> + Vay và nợ ngắn hạn	: 72,346 tỷ
+ Vay và nợ dài hạn.	: 1,150 tỷ

3. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

3.1. Công tác xây dựng phát triển thương hiệu:

- Thực hiện có hiệu quả theo Quyết định số 2210/QĐ-TCT ngày 24/3/2011 của Tổng Công ty về việc “ Xây dựng và phát triển thương hiệu Tổng Công ty đến năm 2015”.

- Lấy an toàn lao động, chất lượng, tiến độ công trình và hiệu quả kinh doanh là tư tưởng chỉ đạo trong việc xây dựng uy tín thương hiệu của Công ty;

- Cung cấp đồng phục cho CBCNV khối văn phòng theo đồng phục của Tổng công ty, may đồng phục cho cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cấp đội và một số cán bộ văn phòng có liên quan đến công tác hiện trường; xe máy thiết bị có logo biển hiệu...;

- Phát triển thương hiệu luôn gắn liền việc không ngừng nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người lao động: Cải thiện điều kiện làm việc, ăn ở cho cán bộ công nhân viên; xây dựng nhà ở, nhà vệ sinh tự hoại cho CBCNV... trên các công trường;

3.2. Công tác phát triển nguồn lực:

- Tuyển dụng cán bộ chuyên ngành trình độ chuyên môn giỏi, có tâm, có chí hướng với nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích tinh thần tự học nâng cao trình độ.

- Tạo điều kiện cán bộ Lãnh đạo, quản lý các phòng ban tham gia các lớp đào tạo về các lĩnh vực chuyên môn, quản lý và lý luận chính trị.

- Đào tạo, đào tạo lại nâng cao tay nghề lực lượng lao động hiện có; tuyển dụng công nhân lành nghề.

- Thực hiện rà soát, tổ chức sắp xếp lại nguồn nhân lực bố trí hợp lý nâng cao hiệu quả công việc.

3.3. Công tác đầu tư:

- Cân đối nguồn công việc trong năm và gói đầu các năm tiếp theo để đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả.

- Chú trọng đầu tư dây chuyền thi công đồng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thi công hiệu quả, chất lượng. Đầu tư gắn liền thanh lý một số thiết bị kém hiệu quả để tái đầu tư.

3.4. Công tác tìm kiếm việc làm:

- Xác định nguồn công việc chính từ các dự án Tổng công ty trúng thầu. Cần chủ động phối hợp với Lãnh đạo, các Phòng ban chức năng TCT cùng tham gia tìm kiếm việc làm.

- Chủ động tìm các nguồn việc khác khi điều kiện cho phép ở các dự án (ODA, WB, JICA, ADB), dự án trái phiếu Chính Phủ, ngân sách Nhà nước được ưu tiên cấp vốn, nâng cao chất lượng công tác đấu thầu.

3.5. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

- Hoàn thiện ban hành hệ thống quy chế phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, bổ sung cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 phục vụ thiết thực cho công tác quản lý công ty.

- Tăng cường vai trò chỉ đạo của Các Phó giám đốc phụ trách các công trình, phát huy tính chủ động sáng tạo, kiến quyết trong điều hành.

- Tập trung giải quyết dứt điểm những tồn đọng tại của các gói thầu tại dự án Trường Sơn Đông.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2014.

- Ổn định tổ chức các đội, các công trường, thực hiện khoán quản, nâng cao tính sáng tạo chủ động của cấp đội trong điều hành sản xuất trên các công trường.

3.6. Công tác khoán cấp đội

Đây là nội dung cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm, nhằm tăng cường công tác quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty. Cụ thể:

- Củng cố Hội đồng khoán Công ty, phân công phân nhiệm cụ thể cho các thành viên hội đồng, các Phó giám đốc phụ trách, các phòng ban nghiệp vụ.

- Bổ sung hoàn thiện quy chế khoán, các quy trình liên quan phù hợp quy mô phát triển. Đổi mới cách giao khoán đảm bảo triển khai nhanh, thiết thực và hiệu quả.

- Sửa đổi bổ sung ban hành các bộ Quy chế, định mức lỗi thời không phù hợp phục vụ công tác khoán quản.

3.7. Công tác tài chính:

- Tập trung công tác nghiệm thu thanh toán từ đầu năm để thu hồi vốn quay vòng phục vụ sản xuất.

- Chủ động khai thác các nguồn vốn có thể để duy trì sản xuất bình hành.

- Tích cực công tác đòi nợ để phục vụ sản xuất. Có các biện pháp thu hồi công nợ của các khách hàng một cách hiệu quả nhất.

3.8. Một số vấn đề khác:

- Không ngừng áp dụng, cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008. Đưa công tác quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất đi vào nề nếp, quy củ;

- Thực hiện tốt các chỉ đạo của Tổng công ty trong việc xây dựng phát triển thương hiệu của Công ty CP 482 nói riêng và Tổng công ty XDCTG4 nói chung;

- Đẩy mạnh phong trào TĐTT và văn nghệ quần chúng, cải thiện tối đa điều kiện sống và làm việc cho CBCNV;

- Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động phong trào thi đua trên tất cả các công trình, tăng ca, tăng kíp, tăng hiệu suất lao động, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Công ty CP 482 có bề dày lịch sử hoạt động, là đơn vị có đủ sức mạnh nội lực về nguồn nhân lực, tài chính và đã chọn đúng chiến lược kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu suốt hơn 3 năm qua, nhưng công ty vẫn có thể đứng vững và vượt qua được cơn bão suy thoái, kế hoạch năm nay cao hơn năm trước và hoàn thành được các chỉ tiêu được giao, điều đó chứng minh sự vững vàng trong hoạch định chiến lược và đội ngũ CBCNV đều tay, triển khai Kế hoạch SXKD một cách tốt nhất.

- Tập thể HĐQT, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP 482 là một khối đoàn kết thống nhất từ ý chí đến hành động, tất cả đều chung tay xây dựng công ty phát triển vững mạnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đối với Ban giám đốc Công ty, HĐQT tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của từng cá nhân, cụ thể Ban giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.

- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban GD đã xây dựng được đội ngũ CBQL cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng yêu cầu công việc.

- Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất kỳ khi nào cần thiết.

- Công khai minh bạch thông tin, kịp thời, chính xác.
- 3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**
 - + Phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho các UV HĐQT đề cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc, nâng cao hiệu quả quản lý.
 - + Phối hợp chặt chẽ HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát giữ vững đoàn kết nội bộ. Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt và tạo điều kiện tối đa để Ban giám đốc phát huy vai trò trong điều hành.
 - + Kiến toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành từ công ty đến cấp đội, ổn định sản xuất hiệu quả. Tập trung nâng cao hiệu quả tại các bộ phận có sự đầu tư lớn nhằm đưa lại hiệu quả tối đa cho công ty.
 - + Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khoán và quyết toán cấp đội.
 - + Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.
 - + Kết hợp linh hoạt, hài hoà nội lực trong công ty và các nguồn lực bên ngoài để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đưa lại hiệu quả.
 - + Có chiến lược, cơ chế thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng bổ sung cho nguồn cán bộ của công ty đáp ứng nhu cầu công việc và sự phát triển ổn định của công ty.
 - + Tiếp tục thực hiện đầu tư hiệu quả xây dựng nhà chung cư cao tầng khu đất cơ quan.
 - + Chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, người lao động đủ việc làm. Tham gia thị trường chứng khoán đúng hướng và khai thác có hiệu quả.
 - + Tuyên truyền đi sâu vào nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV đối với tập thể, tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo giữ vững kỷ luật từ cán bộ quản lý cấp công ty đến người công nhân tại các đội sản xuất.
 - + Tuyên truyền, học tập và thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường, không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

* Ông: **Nguyễn Trọng Cẩm** – Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ: 946.804 cổ phần, chiếm 31,56% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 916.200 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 30.604 cổ phần

Người có liên quan:

+ Con ruột: **Nguyễn Mạnh Cường**

+ Số cổ phần đang nắm giữ: 9.900 cổ phần

* Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 665.708 cổ phần, chiếm 22,19% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 610.800 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 54.908 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** – Ủy viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ: 15.100 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.100 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.382 cổ phần, chiếm 0,51% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.382 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần

* Ông: **Lê Văn Thảo** - UV HĐQT

Số cổ phần nắm giữ: 15.097 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.097 cổ phần

b) Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thư ký công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: 10 buổi

- Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:

+ Kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2013, giải pháp thực hiện

+ Công tác đầu tư, thiết bị

+ Đơn giá tiền lương 2013

+ Xây dựng định mức nhân công nội bộ

+ Kế hoạch đào tạo và tuyển dụng 2013

+ Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm cán bộ

+ Xây dựng định biên gián tiếp tại các Phòng ban, đơn vị

+ Kế hoạch tiết giảm chi phí quản lý trong năm 2013

+ Sửa đổi, bổ sung nội qui, qui chế nội bộ

+ Công bố thông tin về hoạt động của Công ty theo qui định của UBCK NN

+ Một số công tác khác.

d) Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và cập nhật các thông tin cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

- Soạn thảo văn bản, Nghị quyết của HĐQT;

- Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

* Ông: **Lại Văn Hữu** – Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 15.021 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

- Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.021 cổ phần

- Người có liên quan:

+ Em ruột: Ông **Lại Ngọc Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.796 cổ phần

* Ông: **Dương Lê Tĩnh** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 10.682 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.682 cổ phần

- Người có liên quan:

- Vợ: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

+ Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.380 cổ phần

* Bà: **Hoàng Thị Mận** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 6.060 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 6.060 cổ phần

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã tổ chức 5 cuộc họp, nội dung chủ yếu:

- Về việc giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội ĐCĐ và HĐQT; kiểm tra công tác quản lý điều hành tại các Phòng ban, đơn vị.

- Kiểm tra việc thực hiện quy định về đầu tư mua sắm thiết bị tại công ty

- Kiểm tra việc thuê thầu phụ thi công Gói 2- Quốc lộ 2C-Tuyên Quang

- Kiểm tra công tác quản lý vật tư, thiết bị, thực hiện các chế độ đối với người lao động tại Đội 408

- Kiểm tra về Công tác quản lý điều hành tại công trường 405; Đội 406, tại Gói 6 Sân bay Phú Bài

- Thẩm định báo cáo Tài chính 6 tháng và năm 2013 của công ty

- Kiểm tra việc nắm giữ cổ phần của cán bộ quản lý Tại công ty

- Giám sát việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý khác theo quy định tại điều lệ Công ty, và quy định của Pháp luật; Kết quả các đợt kiểm tra BKS đều có báo cáo HĐQT, BGD, các thành phần liên quan để chỉ đạo khắc phục các vấn đề tồn tại.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

a) *Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

Đã chi trả thù lao HĐQT (5 người) và BKS (3 người) với số tiền 236.160.000 (tương ứng 80% mức thù lao ĐHCĐ năm 2013 thông qua)

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Trọng Cẩm	Chủ tịch HĐQT	15.604	0,52%	30.604	1%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu

2	Lê Hòa Nguyễn	Giám đốc	35.708	1,19%	54.908	1,83%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
---	---------------	----------	--------	-------	--------	-------	-------------------------------

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo báo cáo kiểm toán số Số: 440/2014/BC.TC-AASC.KT3 ngày 25 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC): "*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 482 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		362.857.962.484	292.791.416.010
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.826.738.476	4.565.868.382
111	1. Tiền		1.762.266.341	4.565.868.382
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.064.472.135	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.000.009.000	2.050.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.000.009.000	2.050.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.209.841.317	98.131.515.578
131	1. Phải thu của khách hàng		74.571.692.033	92.422.851.400
132	2. Trả trước cho người bán		15.259.902.134	5.205.677.479
135	5. Các khoản phải thu khác	5	6.672.509.375	2.068.107.216
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.294.262.225)	(1.567.124.317)
140	IV. Hàng tồn kho	6	234.903.481.657	182.160.424.017
141	1. Hàng tồn kho		234.903.481.657	182.160.424.017
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.917.892.034	5.883.608.033
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	15.917.892.034	5.883.608.033
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		54.720.082.386	38.496.764.306
220	II. Tài sản cố định		51.270.476.581	36.349.258.371
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	50.223.736.682	36.361.550.707
222	- Nguyên giá		124.018.654.689	108.276.586.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(73.794.918.007)	(71.914.935.704)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	73.194.444	-
228	- Nguyên giá		85.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.805.556)	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	973.545.455	187.707.664
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.935.898.000	1.935.898.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.935.898.000	1.935.898.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.513.707.805	211.607.935
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.513.707.805	153.083.725
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	58.524.210
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		417.578.044.870	331.288.180.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		370.653.245.443	286.005.973.017
310	I. Nợ ngắn hạn		366.614.309.488	281.796.097.359
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	72.346.948.711	60.926.467.479
312	2. Phải trả người bán		144.092.148.462	107.449.422.132
313	3. Người mua trả tiền trước		49.761.440.758	61.774.050.267
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.180.571.882	9.455.845.523
315	5. Phải trả người lao động		13.464.556.189	9.523.656.870
316	6. Chi phí phải trả	15	1.124.035.524	407.287.912
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	78.444.607.662	12.262.367.276
320	II. Nợ dài hạn		4.038.935.955	4.209.875.658
323	3. Phải trả dài hạn khác		97.936.629	886.072.034
324	4. Vay và nợ dài hạn	17	1.150.665.181	1.521.679.655
327	7. Dự phòng phải trả dài hạn		1.890.334.145	1.802.164.569
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		46.924.799.427	45.282.207.299
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	46.924.799.427	45.282.207.299
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư góp vốn		4.016.189.000	4.016.189.000
413	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.594.450.478	1.594.450.478
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.874.965.761	1.667.235.835
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.439.194.188	5.004.332.005
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		417.578.044.870	331.288.180.316

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	723.766.450.337	345.194.271.839
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		723.766.450.337	345.194.271.839
11	4. Giá vốn hàng bán	20	686.928.699.154	307.158.655.850
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.837.751.183	38.035.615.989
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	588.244.164	573.808.541
22	7. Chi phí tài chính	22	12.179.900.645	16.217.061.208
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.179.900.645	16.217.061.205
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	17.734.378.661	16.498.224.221
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.511.726.041	5.894.139.101
31	11. Chi nháp khác	24	2.792.199.936	3.523.238.858
32	12. Chi phí khác	25	1.005.259.464	1.125.880.953
40	13. Lợi nhuận khác		1.286.940.472	397.357.905
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.798.656.513	6.291.497.006
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên hành	26	2.359.462.325	1.287.165.001
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.439.194.188	5.004.332.005

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		813.994.254.738	379.876.771.475
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(771.730.728.104)	(318.478.791.622)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(68.263.586.381)	(46.341.471.056)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(13.314.752.650)	(16.199.391.957)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.021.251.057)	(238.191.194)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		63.903.762.289	18.922.164.439
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		22.001.063.649	(13.877.036.213)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		44.570.952.690	3.562.856.972
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(25.976.942.825)	(5.350.111.211)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.839.999.999	2.963.217.731
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	9.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.050.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		506.770.872	551.271.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.359.389.954)	(5.716.811.964)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		237.156.419.339	158.629.031.953
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.000.000.000)	(325.410.111.071)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.250.492.662)	1.392.586.071
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.260.870.094	4.383.831.079
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		4.565.868.382	182.037.303
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>14.826.738.476</u>	<u>4.565.868.382</u>

Toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán Công ty đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: <http://www.Congty482.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Cẩm